

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN KẾ SÁCH  
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2020/HNGĐ-ST  
Ngày: 01-7-2020  
V/v tranh chấp Hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Hải Duy

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Trần Xuronne
2. Bà Tăng Thị Bạch Vân

**- Thư ký phiên tòa:** Bà: Trần Thị Cúc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:** Bà Đặng Xuân Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý 90/2020/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2020 về tranh chấp “Hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 92/2020/QĐXX-ST ngày 25 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Chị Bùi Ngọc S (S), sinh năm 1976.

Địa chỉ: ấp Đông Hải, xã Đại Hải, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

*2. Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1970.

Địa chỉ: ấp Đông Hải, xã Đại Hải, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

(Chị S có mặt; anh B vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Theo đơn khởi kiện, các lời khai có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn là Bùi Ngọc S (S) trình bày:**

Chị Bùi Ngọc Sử và anh Nguyễn Văn B kết hôn vào năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đại Hải. Quan hệ vợ chồng sống không hạnh phúc do anh B ham mê cờ bạc, bỏ bê vợ con dẫn đến gia đình không hạnh phúc.

Về con chung: Chị Sử và anh B có 04 con chung tên là Nguyễn Ngọc Anh K, sinh năm 1999, Nguyễn Ngọc Như Q, sinh năm 2000, Nguyễn Ngọc Hiền N, sinh ngày 18/5/2005 và Nguyễn Ngọc Khương H, sinh ngày 28/5/2010.

Về tài sản chung và nợ chung: không có.

Nay chị Sử yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn B.

Chị Sử yêu cầu được nuôi 02 con chung tên là Nguyễn Ngọc Hiền N, sinh ngày 18/5/2005 và Nguyễn Ngọc Khương H, sinh ngày 28/5/2010. Không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con.

Riêng 02 con chung Nguyễn Ngọc Anh K, sinh năm 1999, Nguyễn Ngọc Như Q, sinh năm 2000 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Bị đơn là anh Nguyễn Văn B (vắng mặt).**

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng phát biểu:**

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và tư cách của người tham gia tố tụng đã tuân thủ theo đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Theo các tài liệu thể hiện trong hồ sơ và tại phiên tòa sơ thẩm Đại diện Viện kiểm sát nhận thấy quan hệ vợ chồng giữa chị Sử và anh B đã mâu thuẫn trầm trọng. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Sử, cho chị Sử được ly hôn với anh B.

Về con chung: Do 02 con chung tên là Nguyễn Ngọc Hiền N, sinh ngày 18/5/2005 và Nguyễn Ngọc Khương H, sinh ngày 28/5/2010 hiện nay đang ở cùng với chị Sử và cũng phù hợp với nguyện vọng của cả 02 con chung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Sử, giao 02 con chung tên là Nguyễn Ngọc Hiền N, sinh ngày 18/5/2005 và Nguyễn Ngọc Khương H, sinh ngày 28/5/2010 cho chị Sử tiếp tục nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên Tòa, do chị Sử không có yêu cầu nên không có căn cứ để Hội đồng xét xử đặt ra giải quyết.

Riêng 02 con chung Nguyễn Ngọc Anh K, sinh năm 1999, Nguyễn Ngọc Như Q, sinh năm 2000 đã trưởng thành, do chị Sử không có yêu cầu gì nên không có căn cứ để Hội đồng xét xử đặt ra giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung do đương sự khai không có nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về án phí: đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

**[1] Về thủ tục tố tụng:** Tại phiên Tòa, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không rõ lý do và cũng không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt đồng thời bị đơn không có yêu cầu phản tố. Xét thấy, Tòa án nhân dân huyện Kế Sách đã tiến hành các thủ tục cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng cho bị đơn đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015. Cho nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là có căn cứ và đúng với quy định tại khoản 2, Điều 227 và khoản 3, Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

**[2] Về quan hệ hôn nhân:** Xét thấy, quan hệ vợ chồng giữa nguyên đơn và bị đơn đã thật sự tan vỡ, không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ. Bối lễ, bị đơn nhiều lần cố tình vắng mặt, chứng tỏ bị đơn không có ý định mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng với nguyên đơn. Đồng thời, tại phiên Tòa, nguyên đơn cương quyết yêu cầu ly hôn với bị đơn và cũng xác định không còn tình cảm gì dành cho bị đơn nữa. Vì vậy, đã đủ cơ sở để xác định cuộc sống vợ chồng giữa nguyên đơn và bị đơn không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Cho nên, nguyên đơn yêu cầu ly hôn bị đơn là có căn cứ và chính đáng, vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn là phù hợp với quy định của pháp luật.

**[3] Về con chung:** theo lời khai của nguyên đơn cũng như các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xác định nguyên đơn và bị đơn có 04 con chung tên là Nguyễn Ngọc Anh K, sinh năm 1999, Nguyễn Ngọc Như Q, sinh năm 2000, Nguyễn Ngọc Hiền N, sinh ngày 18/5/2005 và Nguyễn Ngọc Khương H, sinh ngày 28/5/2010. Trong quá trình giải quyết vụ án, 02 con chung là Nguyễn Ngọc Hiền N, sinh ngày 18/5/2005 và Nguyễn Ngọc Khương H, sinh ngày 28/5/2010 đều có nguyện vọng “được sống với mẹ là Bùi Ngọc S”, đồng thời, tại phiên Tòa, nguyên đơn cũng yêu cầu được nuôi 02 con chung là cháu N và cháu H. Xét thấy, để tránh những xáo trộn trong đời sống, tâm sinh lý, gây ra những ảnh hưởng không tốt đến việc phát triển bình thường của con chung, và cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu N và cháu H. Cho nên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu về nuôi con chung của nguyên đơn, tiếp tục giao 02 con chung là Nguyễn Ngọc Hiền N, sinh ngày 18/5/2005 và Nguyễn Ngọc Khương H, sinh ngày 28/5/2010 cho nguyên đơn nuôi dưỡng là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật.

Riêng 02 con chung Nguyễn Ngọc Anh K, sinh năm 1999, Nguyễn Ngọc Như Q, sinh năm 2000 đã trưởng thành, do nguyên đơn không có yêu cầu gì nên không có căn cứ để Hội đồng xét xử đặt ra giải quyết.

**[4] Về cấp dưỡng nuôi con:** Do nguyên đơn không có yêu cầu bị đơn phải cấp dưỡng nuôi con, đồng thời cũng không có ý kiến tự nguyện cấp dưỡng nuôi con của bị đơn nên không có căn cứ để Hội đồng xét xử phải đặt ra giải quyết.

**[5] Về tài sản chung và nợ chung:** Do nguyên đơn khai không có tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét trong vụ án này.

**[6] Về án phí HNST:** Nguyên đơn phải chịu án phí HNST.

**[7] Về ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:** Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2, Điều 227, khoản 3, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Xử:

**[1] Về quan hệ hôn nhân:** Cho ly hôn giữa chị Bùi Ngọc S (S) và anh Nguyễn Văn B.

**[2] Về con chung:** Giao 02 con chung là Nguyễn Ngọc Hiền N, sinh ngày 18/5/2005 và Nguyễn Ngọc Khương H, sinh ngày 28/5/2010 cho chị S trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Anh Nguyễn Văn B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

**[3] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung:** Anh Nguyễn Văn B không phải cấp dưỡng nuôi 02 con chung là Nguyễn Ngọc Hiền N, sinh ngày 18/5/2005 và Nguyễn Ngọc Khương H, sinh ngày 28/5/2010 do chị S không có yêu cầu.

**[4] Về tài sản chung và nợ chung:** Do chị Bùi Ngọc S (S) khai không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét trong vụ án này.

**[5] Về án phí, chi phí tố tụng:** Chị Bùi Ngọc S (S) phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân sơ thẩm. Chị S (S) đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0002697 ngày 24/02/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Kế Sách không phải nộp tiếp.

Án xử công khai, chị Bùi Ngọc S (S) có mặt tại phiên Tòa và có mặt khi tuyên án. Anh Nguyễn Văn B không có mặt tại phiên Tòa và cũng không có mặt khi tuyên án mà không có lý do chính đáng.

Thời hạn kháng cáo đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự, đại diện cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân khởi kiện không có mặt tại phiên Tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Đối với trường hợp đương sự, đại diện cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân khởi kiện đã tham gia phiên Tòa nhưng vắng mặt khi Tòa án tuyên án mà không có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận:***

- Đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Kế Sách;
- CCTHADS huyện Kế Sách;
- UBND xã (thị trấn) cấp giấy CNKH
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**  
**(đã ký)**

**Phạm Hải Duy**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Hải Duy**

